

Bản án số: 79/2020/HS-ST
Ngày: 28-8-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hải và ông Phạm Công Gia

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thượng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Sơn Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 74/2020/TLST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 87/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ Nguyễn Quốc S (Tên gọi khác: H) – sinh năm 1984, tại Đồng Nai

Nơi cư trú: Ấp 3, xã P.H, huyện Đ.Q, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đ – sinh năm 1950 và bà Lê Thị K – sinh năm 1952; Có vợ là Nguyễn Thị Thúy P – sinh năm 1986; có 02 (Hai) con, lớn nhất sinh năm 2009 và nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 20/4/2020 đến ngày 20/6/2020, hiện đang tại ngoại. (Có mặt)

2/ Nguyễn Tiến T – sinh năm 1964, tại TP. Hồ Chí Minh

Nơi cư trú: Ấp 2, xã P.Đ, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn R – sinh năm 1937 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N – sinh năm 1943 (đã chết); Có vợ là Nguyễn Thị Kim L – sinh năm 1967; Có 04 (Bốn) con, lớn nhất sinh năm 1985 và nhỏ nhất sinh năm 2003; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 20/4/2020 đến ngày 20/6/2020, hiện đang tại ngoại. (Có mặt)

3/ Đoàn Võ T3 (Tên gọi khác: U) – sinh năm 1967, tại TP. Hồ Chí Minh

Nơi cư trú: Ấp 6, xã Trà Cỏ, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Văn N – sinh năm 1924 (đã chết) và bà Võ Thị A – sinh năm 1926 (đã chết); Có vợ là Trần Thị Hồng H – sinh năm 1970; Có 02

(Hai) con, lớn nhất sinh năm 1991 và nhỏ nhất sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 20/4/2020 đến ngày 20/6/2020, hiện đang tại ngoại. (Có mặt)

4/ Đoàn Khắc T1 – sinh năm 1979, tại Bến Tre

Nơi cư trú: Ấp 6, xã T.C, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đoàn Văn H – sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị P – sinh năm 1952 (đã chết); Có vợ là Trần Thị Cẩm C – sinh năm 1976; Có 03 (Ba) con, lớn nhất sinh năm 1998 và nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 20/4/2020 đến ngày 20/6/2020, hiện đang tại ngoại. (Có mặt)

5/ Nguyễn Văn B – sinh năm 1962, tại TP. Hồ Chí Minh

Nơi cư trú: Ấp 1, xã P.Đ, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T – sinh năm 1929 (đã chết) và bà Lê Thị T1 – sinh năm 1935 (đã chết); Có vợ là Đỗ Thị H – sinh năm 1963 (đã chết); Có 02 (Hai) con, lớn nhất sinh năm 1984 và nhỏ nhất sinh năm 1988; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 20/4/2020 đến ngày 20/6/2020, hiện đang tại ngoại. (Có mặt)

6/ Trương Thị M – sinh năm 1967, tại TP. Hồ Chí Minh

Nơi cư trú: Ấp 5, xã P.Đ, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tạ Việt H – sinh năm 1940 (đã chết) và bà Trương Thị Đ – sinh năm 1944; Có chồng là Nguyễn H – sinh năm 1965; Có 02 (Hai) con, lớn nhất sinh năm 1990 và nhỏ nhất sinh năm 1994; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 20/4/2020 đến ngày 20/6/2020, hiện đang tại ngoại. (Có mặt)

7/ Nguyễn Thị Thu B – sinh năm 1959, tại Quảng Ngãi

Nơi cư trú: Ấp 3, xã P.H, huyện Đ.Q, tỉnh Đồng Nai.; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn L – sinh năm 1934 (đã chết) và bà Kỷ Thị T – sinh năm 1937; Có chồng là Hồ Q – sinh năm 1959 (đã chết); Có 05 (Năm) con, lớn nhất sinh năm 1983 và nhỏ nhất sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 20/4/2020 đến ngày 20/6/2020, hiện đang tại ngoại. (Có mặt)

8/ Nguyễn Thị Tiết H – sinh năm 1981, tại Đồng Nai

Nơi cư trú: Ấp 1, xã P.Đ, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H – sinh năm 1951 (đã chết) và bà Lê Thị Thu V – sinh năm 1954 (đã chết); Có 02 (Hai) con, lớn nhất sinh năm 2005 và nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 20/4/2020 đến ngày 20/6/2020, hiện đang tại ngoại. (Có mặt)

9/ Bùi Văn T2 – sinh năm 1966, tại Quảng Ngãi

Nơi cư trú: Ấp 1, xã P.Đ, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi H – sinh năm 1919 (đã chết) và bà Dương Thị N – sinh năm 1923 (đã chết); Có vợ là Lê Thị H – sinh năm 1965; Có 03 (Ba) con, lớn nhất sinh năm 1985 và nhỏ nhất sinh năm 1989; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 20/4/2020 đến ngày 20/6/2020, hiện đang tại ngoại. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 15/4/2020, tại quán cà phê không tên do Bùi Văn T2 làm chủ (thuộc ấp 1, xã P.Đ, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai), Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú phát hiện lập biên bản bắt quả tang các đối tượng Nguyễn Tiến T, Đoàn Võ T3, Nguyễn Thị Tiết H, Trương Thị M, Nguyễn Thị Thu B, Đoàn Khắc T1, Nguyễn Văn B, Bùi Văn T2 về hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền.

Tang vật thu giữ gồm: 3.800.000 đồng, 02 bộ bài tây 52 lá. Ngoài ra còn thu giữ một số tài sản khác gồm: 12.800.000 đồng thu trên người của các bị can gồm Đoàn Khắc T1 số tiền 3.800.000 đồng, Nguyễn Văn B số tiền 4.300.000 đồng, Nguyễn Tiến T số tiền 4.000.000 đồng, Đoàn Võ T3 số tiền 500.000 đồng, Nguyễn Thị Tiết H số tiền 200.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định được như sau:

Buổi trưa ngày 15/4/2020, Nguyễn Quốc S, Nguyễn Tiến T, Đoàn Võ T3, Đoàn Khắc T1, Nguyễn Văn B, Trương Thị M, Nguyễn Thị Thu B, Nguyễn Thị Tiết H cùng nhau đến quán cà phê của Bùi Văn T2 tại ấp 1, xã P.Đ để đánh bạc và được T2 đồng ý. Để phục vụ việc đánh bạc, T2 bán bài tây, nước uống cho những người đánh bạc với giá bài tây là 20.000 đồng 01 bộ, nước ngọt và cà phê là 10.000 đồng 01 ly. Những người đánh bạc chơi với hình thức binh Ấn Độ (còn gọi là binh 6 lá), cách thức là sử dụng bộ bài tây 52 lá, đánh bài 06 lá tính điểm. Những người đánh bạc gọi là tụ sẽ được người làm cái chia 06 lá bài, 06 lá chia làm 02 chi, mỗi chi 03 lá, người đánh bài thắng thua với người làm cái, ai cao điểm hơn người làm cái thì người làm cái phải trả tiền cho người đó và ngược lại, số tiền được thua cho mỗi lần đặt từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng. Ngoài ra, những người không trực tiếp chơi có thể đặt tiền vào tụ bài của người chơi chính (gọi là ké tụ), rồi căn cứ vào số điểm trên bài của người chơi chính để thắng thua số tiền đặt cược với người làm cái. Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ tang vật như đã nêu trên. Đến 08 giờ ngày 17/4/2020, Nguyễn Quốc S ra đầu thú tại Công an huyện Tân Phú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Qua điều tra người tham gia đánh bạc khai nhận về số tiền dùng vào việc đánh bạc như sau: Nguyễn Quốc S 2.500.000 đồng, Nguyễn Tiến T 4.000.000 đồng, Đoàn Võ T3 1.500.000 đồng, Đoàn Khắc T1 3.000.000 đồng, Nguyễn Văn B 4.300.000 đồng, Trương Thị M 100.000 đồng, Nguyễn Thị Thu B 600.000 đồng, Nguyễn Thị Tiết H 200.000 đồng,

Bùi Văn T2 sử dụng quán cà phê thuộc quyền quản lý của mình chứa chấp việc đánh bạc, chuẩn bị bài, nước cho việc đánh bạc nhằm thu lợi bất chính.

Theo Cáo trạng số 73/CT-VKSTP-ĐN ngày 10/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú đã truy tố các bị cáo Nguyễn Quốc S, Nguyễn Tiến T, Đoàn Võ T3, Đoàn Khắc T1, Nguyễn Văn B, Trương Thị M, Nguyễn Thị Thu B, Nguyễn Thị Tiết H và Bùi Văn T2 về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú thực hiện quyền công tố đã luận tội, tranh luận, phân tích dấu hiệu phạm tội, đánh giá các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân T2 của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, các tình tiết giảm nhẹ là điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 đối với các bị cáo, các điều 32, 35 và 58 Bộ luật Hình sự xử phạt các bị cáo về tội “Đánh bạc” với mức án:

- + Nguyễn Quốc S: Từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.
- + Nguyễn Tiến T: Từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.
- + Đoàn Võ T3: Từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.
- + Đoàn Khắc T1: Từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.
- + Nguyễn Văn B: Từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.
- + Trương Thị M: Từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.
- + Nguyễn Thị Thu B: Từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.
- + Nguyễn Thị Tiết H: Từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.
- + Bùi Văn T2: Từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

- Về biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 16.600.000 đồng là công cụ, phương tiện phạm tội nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Đối với 01 thùng giấy caton, 02 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng là công cụ, phương tiện phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi đánh bạc và đồng ý với tội danh, mức hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố, đề nghị.

Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo ăn năn hối hận và xin được xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phú, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú:

Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo

và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa, các bị cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ như Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu... Như vậy, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Buổi trưa ngày 15/4/2020, Bùi Văn T2 dùng địa điểm là nhà của mình tại quán cà phê không tên (thuộc ấp 1, xã P.Đ, huyện T.P, tỉnh Đồng Nai) để cho Nguyễn Quốc S, Nguyễn Tiến T, Đoàn Võ T3, Đoàn Khắc T1, Nguyễn Văn B, Trương Thị M, Nguyễn Thị Thu B, Nguyễn Thị Tiết H thực hiện hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền với hình thức binh Ấn Độ (còn gọi là binh 6 lá) với tổng số tiền dùng vào mục đích đánh bạc là 16.600.000 đồng thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Đối với các bị cáo Nguyễn Quốc S, Nguyễn Tiến T, Đoàn Võ T3, Đoàn Khắc T1, Nguyễn Văn B, Trương Thị M, Nguyễn Thị Thu B, Nguyễn Thị Tiết H có hành vi đánh bạc với hình thức thuộc trường hợp nhiều người cùng tham gia đánh bạc với nhau; đối với hành vi của bị cáo Bùi Văn T2 sử dụng địa điểm thuộc quyền sở hữu của mình để cho người khác đánh bạc (T2 là chủ nhà, đã tạo điều kiện cho các bị cáo khác thực hiện hành vi đánh bạc tại nhà mình, nhằm hưởng lợi từ việc phục vụ với số tiền bán nước là 200.000 đồng, tiền bán bài 40.000 đồng, tuy nhiên chưa kịp thu tiền) nhưng chưa đến mức chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc” nên phải chịu trách nhiệm hình sự về đồng phạm tội đánh bạc; tổng số tiền các bị cáo đánh bạc là tổng số tiền của những người cùng đánh bạc theo hướng dẫn tại khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 1 và khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Hành vi của Nguyễn Quốc S, Nguyễn Tiến T, Đoàn Võ T3, Đoàn Khắc T1, Nguyễn Văn B, Trương Thị M, Nguyễn Thị Thu B, Nguyễn Thị Tiết H, Bùi Văn T2 là hành vi đã phạm tội “Đánh bạc” tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã viện dẫn và truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo S sau khi bỏ trốn đã đến Cơ quan điều tra đầu thú. Ngoài ra còn xem xét: Các bị cáo có nhân T2 tốt, chưa có tiền án tiền sự. Các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về nhân T2: Đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu B bị Công an huyện Tân Phú ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 121 ngày 12/8/2019 với số tiền 3.500.000 đồng về hành vi che giấu việc đánh bạc trái phép. Tuy nhiên, qua xác minh tại Công an huyện Tân Phú thì Quyết định chưa được tổng đạt cho người vi phạm hoặc niêm yết theo quy định nên không xem xét về nhân T2 của bị can.

[6] Căn cứ quyết định hình phạt:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương. Đặc biệt, trong thời điểm hiện nay, tệ nạn đánh bạc diễn ra ngày càng phức tạp và là nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng của các nhóm tội phạm khác. Các bị cáo là người đã thành niên nhận thức đầy đủ về hành vi của mình, đã thực hiện hành vi đánh bạc bất hợp pháp.

Đây là vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc trước nhưng thống nhất ý chí cùng thực hiện hành vi phạm tội, với lỗi cố ý. Các bị cáo S, T, T3, T1, B, M, Ba, H tham gia với vai trò là người thực hành, bị cáo T2 là người giúp sức. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét đánh giá tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội và vai trò của từng người đồng phạm, số tiền đánh bạc của từng bị cáo nhằm cá thể hóa hình phạt khi lượng hình như sau:

Các bị cáo cùng phạm tội ít nghiêm trọng với số tiền không lớn. Bị cáo S khi bị Cơ quan điều tra phát hiện hành vi đánh bạc thì bỏ trốn; số tiền đánh bạc của các bị cáo S, T, T1 và Bình là cao hơn bị cáo khác; số tiền đánh bạc các bị cáo M, B và H là không lớn; bị cáo S là người làm cái nhiều nhất và đã bỏ trốn khi bị phát hiện phạm tội quả tang; bị cáo T2 tuy không tham gia trực tiếp đánh bạc nhưng không can ngăn mà còn đồng ý cho các bị cáo khác đánh bạc trái phép tại nhà mình nhằm mục đích hưởng lợi từ việc phục vụ đánh bạc, tuy nhiên chưa thu được tiền. Như vậy, tính chất, mức độ hành vi phạm tội và mức hình phạt áp dụng đối với bị cáo S là cao nhất, các bị cáo T, T1, B và T3 là cao hơn các bị cáo M, B, H và T2.

Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và đảm bảo công tác phòng ngừa tội phạm tại địa phương. Tuy nhiên, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như trên nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, phạt tù đối với các bị cáo mà áp dụng hình phạt tiền để sung vào ngân sách Nhà nước cũng thỏa đáng, đủ tác dụng răn đe, thể hiện chính sách nhân đạo pháp luật của Nhà nước.

[7] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, đồng thời xem xét các bị cáo có nghề nghiệp với thu nhập không ổn định, các bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính bằng hình thức phạt tiền nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 16.600.000 đồng là công cụ, phương tiện phạm tội nên Hội đồng xét xử xem xét tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Đối với Bùi Văn T2 có hành vi bán nước 200.000 đồng và bán bài 40.000 đồng nhằm thu lợi bất chính nhưng chưa thu tiền nên không xem xét. Đối với 01 thùng giấy caton, 02 bộ bài tây 52 lá đã qua sử dụng là công cụ, phương tiện phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử xem xét tịch thu tiêu hủy. Đối với các vật chứng đã làm rõ được không liên quan đến vụ án nên đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp gồm có 01 (một) xe mô tô biển số 60B3-507.52 và 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo màu trắng đã trả lại cho Đoàn Khắc T1, 01 điện thoại di động hiệu

Mobistar màu xanh đã trả lại cho Nguyễn Văn B, 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen đã trả lại cho Nguyễn Tiến T, 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 5S và 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 4 màu trắng đã trả lại cho Đoàn Võ T3, 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen đã trả lại cho Trương Thị M, 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen và số tiền 21.500.000 đồng đã trả lại cho Bùi Văn T2, 01 (một) xe mô tô biển số 60B4-878.33 đã trả lại cho ông Lê Văn H là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Các vấn đề khác:

Quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Quốc S, Đoàn Khắc T1, Nguyễn Thị Thu B, Bùi Văn T2 khai nhận ngoài lần đánh bạc bị bắt quả tang vào ngày 15/4/2020, thì trong các ngày từ 10/4/2020 đến 14/4/2020 có tham gia đánh bạc tại nhà là quán cà phê của Bùi Văn T2. Tuy nhiên, ngoài lời khai nhận của các bị cáo thì không có chứng cứ nào khác để xác định số tiền đã sử dụng vào mục đích đánh bạc nên không xem xét xử lý. Đối với ông Lê Văn H có mặt tại địa điểm đánh bạc vào ngày 15/4/2020, tuy nhiên không tham gia đánh bạc nên không xem xét xử lý.

[10] Về án phí: Các bị cáo khác phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận, riêng đối với mức hình phạt của bị cáo S là chưa nghiêm nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 321; Điều 35, khoản 1 Điều 46, Điều 47; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;
- Khoản 2 Điều 106, Khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tổ tụng hình sự;
- Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quốc S, Nguyễn Tiến T, Đoàn Võ T3, Đoàn Khắc T1, Nguyễn Văn B, Trương Thị M, Nguyễn Thị Thu B, Nguyễn Thị Tiết H và Bùi Văn T2 phạm tội: “Đánh bạc”.

1.1 Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc S 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

1.2 Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến T 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

1.3 Xử phạt bị cáo Đoàn Khắc T1 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

1.4 Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

1.5 Xử phạt bị cáo Đoàn Võ T3 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

1.6 Xử phạt bị cáo Trương Thị M 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

1.7 Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu B 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

1.8 Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Tiết H 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

1.9 Xử phạt bị cáo Bùi Văn T2 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

2. Các biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với số tiền 16.600.000đ (Mười sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 002147 ngày 14/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Tịch thu tiêu hủy đối với 01 thùng giấy caton, 02 bộ bài tây 52 lá (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/7/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai).

3. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Quốc S, Nguyễn Tiến T, Đoàn Khắc T1, Nguyễn Văn B, Đoàn Võ T3, Trương Thị M, Nguyễn Thị Thu B, Nguyễn Thị Tiết H và Bùi Văn T2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND huyện Tân Phú;
- Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Phú;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Tùng